

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX
(Thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Chiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Quỳnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (“PLC”)**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (đây là báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần “Thuyết minh báo cáo tài chính”, đối với thành phẩm và hàng hóa Công ty đang áp dụng phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức). Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế theo phương pháp nêu trên thì giá thành năm 2008 sẽ giảm đi là 16.934 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ tăng lên với giá trị tương ứng.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0029/KTV

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		611.227.864.685	540.897.046.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.262.163.304	57.523.881.193
1. Tiền	111		25.231.163.304	56.884.881.193
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000	639.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.740.571.711	230.878.367.133
1. Phải thu khách hàng	131	5	127.175.228.631	177.574.521.127
2. Trả trước cho người bán	132		1.886.846.426	9.706.219.600
3. Phải thu công ty con	133		-	23.347.628.010
4. Các khoản phải thu khác	135	6	26.381.214.327	20.944.933.429
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5	(3.702.717.673)	(694.935.033)
III. Hàng tồn kho	140	7	415.577.165.662	241.492.026.894
1. Hàng tồn kho	141		420.738.640.576	242.048.706.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.161.474.914)	(556.679.284)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.647.964.008	11.002.771.276
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.402.359	46.092.615
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.067.503.166	7.685.155.050
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		24.336.233	60.887.048
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.343.722.250	3.210.636.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		164.990.395.405	134.335.036.002
I. Tài sản cố định	220		42.596.302.005	29.493.279.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.916.898.902	24.691.073.264
- Nguyên giá	222		94.662.606.849	89.634.917.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.745.707.947)	(64.943.844.243)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	17.679.403.103	4.802.206.311
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		121.577.956.000	104.577.956.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	21.557.956.000	4.557.956.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000	20.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		816.137.400	263.800.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	263.800.427
2. Tài sản dài hạn khác	268		816.137.400	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		776.218.260.090	675.232.082.498

Các thuyết minh từ trang 08 tới trang 18 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		492.277.496.074	403.290.804.737
I. Nợ ngắn hạn	310		491.563.489.692	402.674.041.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	351.723.102.913	260.111.934.565
2. Phải trả người bán	312		96.831.235.752	106.395.171.528
3. Người mua trả tiền trước	313		1.100.406.189	146.106.374
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	7.082.514.981	11.932.123.719
5. Phải trả người lao động	315		9.692.723.184	7.633.587.198
6. Chi phí phải trả	316		1.398.157.680	224.108.809
7. Phải trả nội bộ	317		4.656.987.984	271.251.645
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	19.078.361.009	15.959.757.522
II. Nợ dài hạn	330		714.006.382	616.763.377
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		714.006.382	616.763.377
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	15	283.940.764.016	271.941.277.761
I. Vốn chủ sở hữu	410		283.744.470.572	271.786.829.416
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.272.000.000	161.272.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		56.453.510.000	56.453.510.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	466.200.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.393.068.272	37.582.921.868
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.375.910.185	2.465.089.469
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.783.782.115	13.547.108.079
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		196.293.444	154.448.345
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		196.293.444	154.448.345
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		776.218.260.090	675.232.082.498

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng	01	16	1.185.707.452.968	1.081.621.566.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	284.087.937
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		1.185.707.452.968	1.081.337.478.685
4. Giá vốn hàng bán	11	17	967.921.327.858	946.752.030.942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		217.786.125.110	134.585.447.743
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	35.657.618.459	27.334.755.116
7. Chi phí tài chính	22	19	53.503.691.601	25.283.368.861
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>21.813.068.163</i>	<i>21.382.618.189</i>
8. Chi phí bán hàng	24		89.231.953.320	70.546.517.526
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.560.114.696	18.526.656.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		85.147.983.952	47.563.660.045
11. Thu nhập khác	31		5.450.879.366	6.207.178.444
12. Chi phí khác	32		505.747.839	858.676.980
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40	20	4.945.131.527	5.348.501.464
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		90.093.115.479	52.912.161.509
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	10.160.074.562	4.437.955.587
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		79.933.040.917	48.474.205.922

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	90.093.115.479	52.912.161.509
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.767.223.901	5.866.077.059
Các khoản dự phòng	03	7.612.578.270	392.775.528
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	8.252.354.495	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.990.258.802)	(19.399.047.843)
Chi phí lãi vay	06	21.813.068.163	21.382.618.189
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107.548.081.506	61.154.584.442
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	83.742.591.052	(10.506.286.531)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(178.689.934.398)	(42.885.168.683)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(81.012.483.928)	102.763.624.350
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(97.490.683)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.813.068.163)	(21.382.618.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.846.589.850)	(3.488.526.376)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.081.343.564)	(2.644.513.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(102.250.238.028)	83.011.095.887
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.996.891.539)	(12.678.253.530)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	254.004.528	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(17.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	3.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.990.258.802	20.357.559.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.247.371.791	10.679.306.355
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp của các cổ đông	31	-	68.191.710.000
Chênh lệch thu chi các khoản vay ngắn hạn	33	91.611.168.348	(120.041.056.994)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.870.020.000)	(20.547.564.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	66.741.148.348	(72.396.910.994)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(32.261.717.889)	21.293.491.248
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	57.523.881.193	36.230.389.945
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60)	70	25.262.163.304	57.523.881.193

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 08 tới trang 18 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004 theo Biên bản bàn giao ký giữa đại diện Bộ Thương mại, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty Hóa dầu Petrolimex.

Cổ đông của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,1% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,9% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 315 người (tại 31/12/2007 là 315 người).

Công ty Con

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (100% vốn của Công ty)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (100% vốn của Công ty)

Theo Quyết định số 39/QĐ-PLC-HĐQT, Quyết định số 40/QĐ-PLC-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2008 được Hội đồng Quản trị ban hành và ký phê duyệt bởi ông Nguyễn Văn Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bổ sung vốn chủ sở hữu cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ ngày 01/01/2008 tương ứng số tiền lần lượt là: 22.782.629.461 đồng và 8.889.142.650 đồng. Nguồn tăng bổ sung được lấy từ quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư cụ thể theo bảng sau:

Đơn vị : VND

Nguồn tăng	Công ty TNHH		Cộng
	Hóa Chất Petrolimex	Nhựa đường Petrolimex	
Quỹ Đầu tư phát triển	8.224.062.277	21.078.046.657	29.302.108.934
Quỹ Dự phòng tài chính	665.080.373	1.704.582.804	2.369.663.177
Tổng cộng	8.889.142.650	22.782.629.461	31.671.772.111

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hoá chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đã được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn chấp thuận số 956/BTC/CDKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (không bao gồm số liệu tình hình tài chính, kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của các Công ty con).

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Giá trị các khoản đầu tư liên kết được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là không trọng yếu nên không cần hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để đưa hàng tồn kho vào địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành ước tính và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế theo phương pháp nêu trên thì giá thành năm 2008 sẽ giảm đi là 16.934 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ tăng lên với giá trị tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm sử dụng
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 35
Máy móc và thiết bị	8 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Hạch toán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn là khoản lập dự phòng cho các khoản lỗ của các khoản đầu tư vào các công ty và các khoản đầu tư dài hạn khác. Mức lập dự phòng bằng tỷ lệ góp vốn của công ty vào các công ty nhận đầu tư hay các khoản đầu tư dài hạn nhân với số lỗ ước tính trong năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết rằng các khoản đầu tư không phát sinh lỗ nên không cần dự phòng lỗ hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008 theo quy định về ưu đãi cổ phần hóa. Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ khi chính thức niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK theo quy định tại Công văn số 11924 ngày 24/10/2004. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Hà Nội được giảm trong hai năm 2009, 2010. Đây là năm thứ ba Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	1.078.525.450	2.071.963.986
Tiền gửi ngân hàng	24.152.637.854	54.738.117.207
Tiền đang chuyển	-	574.800.000
Vàng bạc, đá quý	31.000.000	139.000.000
	25.262.163.304	57.523.881.193

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2008	31/12/2007
Nhóm khách hàng	VND	VND
Khách hàng dầu mỡ nhờn	127.175.228.631	167.833.966.394
Khách hàng hóa chất	-	9.740.554.733
Cộng	127.175.228.631	177.574.521.127
Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi	(3.702.717.673)	(694.935.033)
Tổng cộng	123.472.510.958	176.879.586.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền thuế GTGT được hoàn	-	15.034.650.079
Tiền thuế nhập khẩu được hoàn	-	3.194.576.743
Vốn ứng trước cho Nhựa đường (*)	717.370.539	-
Vốn ứng trước cho Hóa Chất (*)	22.610.857.350	-
Các khoản khác	3.052.986.438	2.715.706.607
	26.381.214.327	20.944.933.429

(*) Theo Quyết định số 39/QĐ-PLC-HDQT và 40/QĐ-PLC-HDQT ngày 12 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ ứng trước vốn cho Công ty TNHH Nhựa đường và Công ty TNHH Hóa chất tương ứng là 717.370.539 đồng và 22.610.857.350 đồng, tuy nhiên khoản này chưa có đủ cơ sở để ghi nhận tăng vốn của 2 công ty con nên đang tạm thời trình bày là khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.555.439.292	54.541.389.864
Nguyên liệu, vật liệu	245.798.897.623	117.834.778.142
Công cụ, dụng cụ	5.755.088.026	4.093.494.454
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.350.238.236	4.890.197.422
Thành phẩm	47.341.120.127	21.193.215.981
Hàng hóa	56.937.857.272	39.495.630.315
Tổng	420.738.640.576	242.048.706.178
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.161.474.914)	(556.679.284)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	415.577.165.662	241.492.026.894

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2008	36.624.265.484	29.003.404.314	14.241.156.549	9.766.091.160	89.634.917.507
Tăng trong kỳ	2.251.147.105	314.691.154	2.435.468.803	995.584.477	5.996.891.539
- Do mua sắm	-	314.691.154	2.435.468.803	995.584.477	3.745.744.434
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.251.147.105	-	-	-	2.251.147.105
Giảm trong kỳ	442.613.247	150.666.500	183.477.000	192.445.450	969.202.197
- Do thanh lý, nhượng bán	442.613.247	132.116.500	183.477.000	192.445.450	950.652.197
- Giảm khác	-	18.550.000	-	-	18.550.000
Tại ngày 31/12/2008	38.432.799.342	29.167.428.968	16.493.148.352	10.569.230.187	94.662.606.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN					-
Tại ngày 01/01/2008	26.226.579.618	24.271.197.861	8.822.442.843	5.623.623.921	64.943.844.243
Tăng trong kỳ	1.667.677.455	978.657.890	1.251.107.063	1.869.781.493	5.767.223.901
- Trích khấu hao	1.667.677.455	978.657.890	1.251.107.063	1.869.781.493	5.767.223.901
Giảm trong kỳ	442.613.247	146.824.500	183.477.000	192.445.450	965.360.197
- Do thanh lý	442.613.247	128.274.500	183.477.000	192.445.450	946.810.197
- Giảm khác	-	18.550.000	-	-	18.550.000
Tại ngày 31/12/2008	27.451.643.826	25.103.031.251	9.890.072.906	7.300.959.964	69.745.707.947
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	10.981.155.516	4.064.397.717	6.603.075.446	3.268.270.223	24.916.898.902
Tại ngày 31/12/2007	10.397.685.866	4.732.206.453	5.418.713.706	4.142.467.239	24.691.073.264

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.237.686.172 đồng (năm 2007:40.535.167.531 đồng).

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Nhà văn phòng Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng	3.196.934.545	3.065.000.000
Nhà điều hành sản xuất Thương Lý	255.488.498	1.046.175.833
Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	6.396.969.091	
Nhà trực sản xuất kho Nhựa đường Nhà Bè	59.195.593	(102.451.316)
Lò gia nhiệt, nén khí-Nhà Bè (*)	(77.059.355)	(113.422.991)
Tuyến ống cầu 2C-Nhà Bè (*)	(1.182.587.102)	(1.209.392.914)
Nhà hóa nghiệm và điều hành sản xuất kho Nhà Bè	2.658.133.570	100.123.636
Nhà điều hành sản xuất kho Trà Nóc	1.143.779.680	-
Các công trình khác	5.228.548.583	2.016.174.063
	17.679.403.103	4.802.206.311

(*) Các công trình có số dư âm là do Công ty thực hiện kết chuyển tạm tăng tài sản cố định theo giá dự toán và các công trình này chưa được quyết toán.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Vốn đầu tư của Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết phần năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Nhựa đường	50.000.000.000	100%	100%	Kinh doanh nhựa đường
Công ty TNHH Hóa chất	50.000.000.000	100%	100%	Kinh doanh hóa chất
	100.000.000.000			

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Vốn thực góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết phần năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP XD công trình giao thông 810	4.557.956.000	25%	25%	Xây dựng các công trình giao thông
Công ty CP Vận tải VP	17.000.000.000	34%	34%	Hoạt động vận tải hóa dầu
Tổng cộng	21.557.956.000			

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa được cung cấp số liệu báo cáo tài chính năm 2008 của các Công ty liên kết nêu trên. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không phải lập dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietin Bank)	59.437.287.520	142.286.181.542
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (VCB)	204.940.740.019	101.219.353.184
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	85.476.926.194	-
Ngân hàng Hong Kong-Thượng Hải (HSBC)	1.868.149.180	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	14.106.399.839
	351.723.102.913	260.111.934.565

Các khoản vay ngắn hạn, được bảo đảm bằng tín chấp, từ các ngân hàng trong nước, theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi suất tiền vay khoảng từ 8,5% đến 13% năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và khoảng từ 5,5% đến 10,5% năm đối với khoản vay bằng Đô-la Mỹ. Tổng chi phí lãi vay phải trả cho năm 2008 phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty là 21,8 tỷ đồng (năm 2007 là 21,4 tỷ đồng).

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	308.918.862	7.668.882.915
Thuế nhập khẩu	1.373.686.838	2.008.862.356
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	5.207.029.506	1.954.431.842
Thuế khác	192.879.775	299.946.606
	7.082.514.981	11.932.123.719

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải trả cổ tức tạm phân phối từ lợi nhuận năm 2008	16.061.975.000	12.980.486.000
Các khoản phải trả khác	3.016.386.009	2.979.271.522
	19.078.361.009	15.959.757.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của nhà đầu tư VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Nguồn vốn khác thuộc vốn CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ KT, phúc lợi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2007	150.000.000.000	-	-	23.920.124.295	1.239.489.732	16.709.610.123	(2.228.293)	191.866.995.857
Tăng vốn trong năm	11.272.000.000	56.453.510.000	466.200.000	-	-	-	-	68.191.710.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	48.474.205.922	-	48.474.205.922
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.649.085.605	1.225.599.737	(18.108.657.966)	3.233.972.624	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2006	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	-	(15.528.050.000)	-	(15.528.050.000)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.296.004.861)	(2.296.004.861)
Phân phối quỹ cho các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(1.097.491.125)	(1.097.491.125)
Tăng khác	-	-	-	13.711.968	-	-	316.200.000	329.911.968
Tại ngày 01/01/2008	161.272.000.000	56.453.510.000	466.200.000	37.582.921.868	2.465.089.469	13.547.108.079	154.448.345	271.941.277.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	79.933.040.917	-	79.933.040.917
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.112.255.338	2.280.483.893	(31.473.771.189)	8.081.031.958	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	-	(8.063.595.692)	-	(8.063.595.692)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2008	-	-	-	-	-	(20.159.000.000)	-	(20.159.000.000)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-	-	(8.082.286.859)	(8.082.286.859)
Phân phối quỹ cho các Công ty con	-	-	-	(29.302.108.934)	(2.369.663.177)	-	-	(31.671.772.111)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	43.100.000	43.100.000
Tại ngày 31/12/2008	161.272.000.000	56.453.510.000	466.200.000	29.393.068.272	2.375.910.185	33.783.782.115	196.293.444	283.940.764.016

Nguồn vốn khác phản ánh tiền đặt cọc thu được do nhà đầu tư từ chối mua cổ phiếu sau khi đã đặt lệnh mua trong quá trình phát hành tăng vốn của Công ty. Do chưa có hướng dẫn cụ thể trong chế độ kế toán Việt Nam về khoản thu tiền này, Công ty tạm thời ghi nhận khoản thu này là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Ngày 29 tháng 4 năm 2008, Đại hội cổ đông thường niên đã họp và chính thức phê duyệt phương án phân chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007 bằng tiền với số tiền chia cổ tức là 23,5 tỷ đồng (trong đó 15,5 tỷ đồng đã được trả trong năm 2007, số còn lại 8 tỷ đồng trả vào năm 2008) và trích lập quỹ đầu tư và phát triển số tiền 21,1 tỷ đồng, quỹ dự phòng tài chính số tiền 2,3 tỷ đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 7,5 tỷ đồng và chi thưởng cho Ban điều hành theo Chế độ tài chính hiện hành với số tiền là 0,5 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết số 034/NQ-PLC-HĐQT ngày 26/11/2008, Công ty tạm phân phối cổ tức 10 tháng đầu năm 2008 từ lợi nhuận năm 2008 với số tiền là 20.159 triệu đồng (tương ứng 12,5%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thuế TNDN được ưu đãi miễn, giảm (từ tháng 3/2004 đến năm 2008) của Công ty khoảng 35,4 tỷ đồng không được dùng để chia lãi cho các cổ đông mà được phản ánh toàn bộ trong sổ dư “Quỹ Đầu tư phát triển” của Công ty (trước khi phân phối quỹ cho các Công ty con) là 58,7 tỷ đồng.

Vốn đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2008 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá (VND/CP)	Vốn góp VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xăng dầu Việt nam	12.750.000	10.000	127.500.000.000	79,1%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	1.019.800	10.000	10.198.000.000	6,3%
Các cổ đông khác	2.357.400	10.000	23.574.000.000	14,6%
	16.127.200		161.272.000.000	100%

16. DOANH THU

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Dầu mỡ nhờn	1.176.376.660.411	1.007.344.772.321
Hóa chất, dung môi	-	20.779.049.571
Doanh thu khác	4.467.186.175	7.444.587.248
Doanh thu khuyến mại	861.951.637	1.208.799.369
Doanh thu bán cho Công ty Hóa chất, Nhựa đường	4.001.654.745	44.844.358.113
	1.185.707.452.968	1.081.621.566.622

17. GIÁ VỐN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn hàng bán		
Dầu mỡ nhờn	960.591.886.472	873.363.611.189
Giá vốn khác	3.327.786.641	28.544.061.640
Giá vốn bán cho Hóa chất, Nhựa đường	4.001.654.745	44.844.358.113
	967.921.327.858	946.752.030.942

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Báo nợ tiền lãi vay Công ty TNHH Hóa chất (*)	1.138.205.648	1.007.108.833
Báo nợ tiền lãi vay Công ty TNHH Nhựa đường (*)	-	936.569.029
Lợi nhuận sau thuế nhận được từ hai Công ty con	25.990.258.802	19.399.047.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	958.512.042
Lãi quá hạn phải thu và lãi tiền gửi ngân hàng	550.663.865	1.752.367.759
Chênh lệch tỷ giá	7.978.490.144	3.281.149.610
	35.657.618.459	27.334.755.116

(*) Tại ngày 01/03/2006, Công ty TNHH Nhựa đường và Công ty TNHH Hóa chất được tách ra thành hai Công ty con của Công ty. Phần chênh lệch giữa tổng giá trị tài sản với số vốn góp của Công ty Cổ phần Hóa dầu (Công ty Mẹ) tại hai Công ty con được hạch toán là khoản nợ phải trả và được tính lãi (7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.813.068.163	21.382.618.189
Lỗi chênh lệch tỷ giá	31.690.623.438	3.900.750.672
	53.503.691.601	25.283.368.861

20. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thuế nhập khẩu được hoàn	3.370.755.898	4.828.921.946
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	283.985.691	1.209.851.081
Thu nhập khác	1.796.137.777	168.405.417
Cộng thu nhập khác	5.450.879.366	6.207.178.444
Chi phí thanh lý tài sản cố định	33.823.163	-
Thù lao HĐQT&BKS không tham gia điều hành	216.750.000	80.212.000
Chi phí khác	255.174.676	778.464.980
Cộng chi phí khác	505.747.839	858.676.980
Lợi nhuận từ hoạt động khác	4.945.131.527	5.348.501.464

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.093.115.479	52.912.161.509
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (*)	25.990.258.802	21.292.693.820
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	8.469.104.495	80.212.000
Tổng thu nhập chịu thuế	72.571.961.172	31.699.679.689
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20.320.149.128	8.875.910.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(10.160.074.566)	(4.437.954.726)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.160.074.562	4.437.955.587

(*) Thu nhập không chịu thuế bao gồm:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Nội dung		
Công ty TNHH Hóa chất chuyển lợi nhuận	4.418.847.762	8.320.320.105
Công ty TNHH Nhựa đường chuyển lợi nhuận	21.571.411.040	11.078.727.738
Thu nhập từ cổ tức	-	958.512.042
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	935.133.935
Cộng	25.990.258.802	21.292.693.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Bán hàng cho các bên liên quan		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	496.917.806.101	325.606.049.990
Công ty liên doanh PTN	1.669.080.926	20.862.579.491
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	1.732.359.679	38.118.607.108
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	2.269.295.066	6.725.751.005
Mua hàng từ các Bên liên quan		
Công ty liên doanh BP - PETCO	126.477.390.072	68.796.587.890
Cổ tức đã trả (từ lợi nhuận năm 2007) cho Petrolimex	15.937.500.000	15.300.000.000

Số dư với các bên liên quan đến cuối kỳ như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu bán hàng		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	25.330.575.613	32.325.643.374
Công ty liên doanh PTN	8.409.635.659	9.740.554.733
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	-	523.512.042
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	-	19.696.714.757
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	99.223.447	3.650.913.253
Phải trả mua hàng		
Công ty liên doanh BP - PETCO	4.427.126.187	6.425.004.645

23. CAM KẾT

Ngày 15 tháng 2 năm 2007, Hội đồng Quản trị sau khi lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản đã ra Nghị quyết số 005/NQ-PLC-ĐHĐCĐ theo đó Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex cam kết đầu tư khoảng 705 tỷ đồng cho giai đoạn 2007 - 2010 cho các hoạt động: Đầu tư, xây dựng, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, góp vốn đầu tư vào các dự án của một số doanh nghiệp khác.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán.
